

Vietnam Daily Review

Màu hoa phượng rực đỏ khắp thị trường

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 14/6/2022	•		
Tuần 13/6-17/6/2022	•		
Tháng 6/2022		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Thị trường gần như giảm một mạch 57 điểm trong ngày hôm nay sau khi mở cửa với gap âm gần 34 điểm. Bất chấp lực mua thỉnh thoảng xuất hiện, chỉ số vẫn kết phiên đóng cửa ở ngưỡng 1227 điểm, gần mức thấp nhất ngày. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 19/19 ngành giảm điểm. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên sàn HSX và mua ròng nhẹ trên sàn HNX. Dòng tiền ủng hộ đà giảm của thị trường khi khối lượng giao dịch tăng cao trong phiên hôm nay cho thấy thị trường đang khá tiêu cực. Nhà đầu tư nên hành động cẩn trọng trong những phiên tới. Bên cạnh đó, nhà đầu tư cũng cần theo dõi động thái của FED trong cuộc họp sắp tới diễn ra vào ngày 15-16/6. Nếu FED quyết định tăng lãi suất thêm 0.5% thì TTCK Việt Nam khả năng sẽ hồi trở lại; còn nếu FED tăng lãi suất thêm 0.75% (cao hơn kỳ vọng của thị trường) thì có khả năng VN-Index sẽ quay trở lại vùng 1160-1180.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL hầu hết giảm điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Khuyến nghị các nhà đầu tư giao dịch thận trọng và ngắn hạn trong phiên.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 13/06/2022, các chứng quyền giảm theo nhịp vận động của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index **-57.04** điểm, đóng cửa **1227.04** điểm. HNX-Index **-18.08** điểm, đóng cửa **288.37** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **EIB (+0.16)**, **POW (+0.16)**, **VSH(+0.08)**, **NT2 (+0.06)**, **PDN (+0.04)**.
- Kéo chỉ số giảm: **MSN (-2.81)**, **VHM (-2.56)**, **VPB (-2.35)**, **BID (-2.34)**, **CTG (-2.19)**.
- Giá trị khóp lệnh của VN-Index đạt 17.766 tỷ đồng, tăng **14.43%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 18.523 tỷ đồng.
- Biên độ dao động 35.53 điểm. Thị trường có **38** mã tăng, 16 mã tham chiếu và **458** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-185.79 tỷ** đồng trên sàn HOSE, gồm **FUEVFNVD (-245.16 tỷ)**, **DGC (-41.54 tỷ)**, **SSI (-37.04 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **4.99 tỷ** đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh
anhvv@bsc.com.vn

VN-INDEX **1227.04**
Giá trị: 17765.63 tỷ **-57.04 (-4.44%)**
Khối ngoại (ròng): -185.79 tỷ

HNX-INDEX **288.37**
Giá trị: 2135.85 tỷ **-18.07 (-5.9%)**
Khối ngoại (ròng): 4.99 tỷ

UPCOM-INDEX **90.53**
Giá trị: 1.5 tỷ **-3.19 (-3.4%)**
Khối ngoại(ròng): 100.32 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	118.5	-1.84%
Giá vàng	1,854	-0.93%
Tỷ giá USD/VND	23,209	0.13%
Tỷ giá EUR/VND	24,317	-0.25%
Tỷ giá JPY/VND	17,234	-0.17%
LS liên NH 1 tháng	2.1%	9.89%
LS TPCP 5 năm	2.7%	0.00%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
GAS	70.6	FUEVFNVD	-245.2
GMD	56.9	DGC	-41.5
DCM	51.9	SSI	-37.0
MSN	47.3	VCB	-33.2
MWG	31.0	VIC	-29.9
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Hiệu suất PTKT	Trang 2
Thị trường phái sinh	Trang 3
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 4
Thống kê thị trường	Trang 5
Khuyến nghị dài hạn	Trang 6
Báo cáo mới nhất	Trang 7
Khuyến cáo sử dụng	Trang 8

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

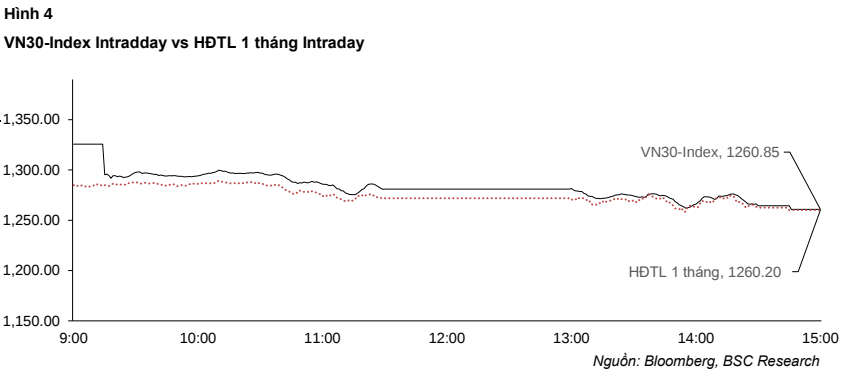
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
6/6/2022	NT2	25.1	28.5	23.5	27.3	7	8.76%	Có thể tiếp tục mua
5/31/2022	CTD	54.5	61	51	53.6	13	-1.65%	Có thể giữ nguyên vị thế
5/25/2022	FRT	82.7	104.6	76.3	92.1	19	11.37%	Có thể tiếp tục mua
5/18/2022	VCI	35	48	32.5	36.3	26	3.71%	Có thể giữ nguyên vị thế
Chú thích:								(**) Tiệm cận giá mục tiêu

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
6/8/2022	GVR	27.05	33.5	24	SL	5	-11.28%
6/7/2022	GIL	76.8	86	72	SL	6	-6.25%
6/1/2022	PC1	38.5	43.3	35.2	TP	7	12.47%
5/30/2022	PDR	55.3	61.3	52	SL	11	-5.97%
5/27/2022	MWG	146.7	162	140	SL	17	-4.57%
5/26/2022	DBC	25.3	30.2	22.5	SL	18	-11.07%
5/19/2022	DCM	31.4	40	28	TP	14	27.39%
5/4/2022	POW	14.05	16.6	13	SL	5	-7.47%
5/3/2022	PC1	39.4	45	36.55	SL	6	-7.23%
4/28/2022	FPT	105.5	118.9	100	SL	10	-5.21%
4/27/2022	HPG	42.5	47	39.5	SL	12	-7.06%
4/26/2022	REE	73.9	86	69	TP	13	16.37%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	3	1	7.95%	-1.65%	5.55%	16
Cổ phiếu đã chốt	246	217	7.05%	-7.57%	4.19%	23

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2206	1260.20	-3.88%	-0.65	43.0%	332,829	6/16/2022	5
VN30F2207	1258.00	-3.97%	-2.85	298.7%	5,578	7/21/2022	40
VN30F2209	1262.00	-3.73%	1.15	151.5%	249	9/15/2022	96
VN30F2212	1260.00	-4.00%	-0.85	-63.5%	91	12/15/2022	187

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 giảm 64.84 điểm xuống 1260.85 điểm. Các cổ phiếu như VPB, MWG, MSN, TCB và MBB đã tác động đến nhịp vận động của VN30. Khuyến nghị các nhà đầu tư giao dịch thận trọng và ngắn hạn trong phiên.
- Các HDTL hầu hết giảm điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Xét về KLGD, hầu hết các HD đều tăng, chỉ riêng HD VN30F2205 giảm so với phiên trước đó. Xét về vị thế mở cũng tương tự khi các HD đều tăng, chỉ riêng VN30F2205 giảm so với phiên trước đó. Phiên giảm điểm mạnh hôm nay có thể tạo lực hồi ngắn hạn trong phiên giao dịch ngày mai khi thị trường chờ đợi quyết định của FED trong tuần. Xu hướng vận động dự kiến sẽ chủ yếu đi ngang với mức thanh khoản thấp.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CPOW2203	9/5/2022	84	2:1	698,300	51.25%	1,600	1,250	0.00%	675	1.85	17,640	15,700	15,250
CPOW2201	7/15/2022	32	5:1	1,168,600	51.25%	1,000	200	0.00%	90	2.23	21,866	16,666	15,250
CPOW2202	11/15/2022	155	5:1	622,300	51.25%	1,000	540	0.00%	236	2.29	27,999	17,999	15,250
CVPB2204	11/15/2022	155	16:1	163,600	36.84%	1,000	770	-2.53%	132	5.83	45,448	30,888	28,750
CVIC2205	10/20/2022	129	16:1	164,700	24.98%	1,100	590	-4.84%	102	5.81	93,386	86,666	76,400
CVIC2204	8/22/2022	70	16:1	126,500	24.98%	1,000	450	-6.25%	76	5.91	105,093	83,333	76,400
CVIC2206	9/19/2022	98	10:1	40,900	24.98%	1,900	750	-6.25%	203	3.69	117,300	82,500	76,400
CNVL2204	9/20/2022	99	16:1	76,100	24.49%	1,000	390	-7.14%	67	5.81	104,879	85,999	76,000
CVIC2202	8/15/2022	63	16:1	117,200	24.98%	1,100	450	-8.16%	82	5.46	97,902	82,222	76,400
CNVL2202	8/15/2022	63	16:1	245,000	24.49%	1,000	380	-11.63%	110	3.46	116,959	79,999	76,000
CVNM2204	10/7/2022	116	10:1	525,500	22.97%	1,500	520	-16.13%	149	3.50	84,100	73,000	66,400
CMWG2204	10/7/2022	116	10:1	1,192,000	31.88%	3,000	1,520	-20.00%	883	1.72	166,200	45,000	140,000
CVPB2203	7/15/2022	32	16:1	21,200	36.84%	1,000	410	-21.15%	79	5.19	53,688	28,888	28,750
CVRE2207	10/20/2022	129	8:1	944,800	38.62%	1,000	360	-21.74%	167	2.16	43,333	33,333	29,000
CHDB2205	10/20/2022	129	5:1	11,800	38.83%	1,000	670	-22.99%	291	2.30	31,611	27,111	24,550
CVRE2204	10/7/2022	116	5:1	903,500	38.62%	1,000	390	-23.53%	256	1.52	34,400	33,000	29,000
CVRE2205	8/22/2022	70	5:1	615,000	38.62%	1,000	390	-25.00%	182	2.14	41,622	32,222	29,000
CMWG2201	9/20/2022	99	10:1	379,500	31.88%	2,600	2,200	-26.67%	1,303	1.69	213,500	134,500	140,000
CVNM2203	8/15/2022	63	20:1	425,300	22.97%	1,000	150	-31.82%	3	52.24	118,311	81,111	124,900
CFPT2202	6/24/2022	11	10:1	592,400	31.73%	1,700	1,540	-33.04%	77	20.10	115,300	89,700	86,200
Tổng				8,335,900	32.75%**								
Chú thích:	Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất							CR: Tỷ lệ chuyển đổi					
	Lãi suất phi rủi ro là 4.75%							Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn					
	**Trung bình độ lệch chuẩn							*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes					

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 13/06/2022, các chứng quyền giảm theo nhịp vận động của cổ phiếu cơ sở.
- CACB2102 và CTCB2112 có mức tăng trưởng tốt nhất, lần lượt 257.14% và 33.33%. Giá trị giao dịch tăng 70.69%, CFPT2203 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 29.11% thị trường.
- CKDH2201, CPNJ2201, CMWG2201 và CHDB2205 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CPOW2203, CNVL2201, CNVL2202 và CVIC2204 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CPNJ2201, CMWG2201 và CVPB2203 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE	
MWG	Bán lẻ	140.0	-6.7%	0.7	4,455	20.2	7,030	19.9	4.6	49.0%	25.8%	
PNJ	Bán lẻ	112.3	-7.0%	0.7	1,183	11.5	5,443	20.6	3.4	49.0%	18.0%	
BVH	Bảo hiểm	50.1	-6.9%	1.4	1,617	6.2	2,529	19.8	1.7	26.3%	8.9%	
PVI	Bảo hiểm	48.6	-4.3%	0.6	495	0.3	3,644	13.3	1.5	58.4%	11.1%	
VIC	Bất động sản	76.4	-2.1%	0.5	12,669	6.0	(578)	N/A	N/A	2.8	12.4%	-2.4%
VRE	Bất động sản	29.0	-4.9%	1.1	2,865	4.0	401	72.3	2.1	31.1%	3.0%	
VHM	Bất động sản	66.0	-3.4%	0.8	12,495	9.7	8,786	7.5	2.2	23.4%	34.5%	
DXG	Bất động sản	22.2	-6.9%	1.5	586	8.6	1,503	14.8	1.5	30.1%	11.3%	
SSI	Chứng khoán	26.0	-6.8%	1.6	1,120	23.8	3,023	8.6	1.7	34.4%	22.6%	
VCI	Chứng khoán	36.3	-6.9%	1.0	529	10.9	4,884	7.4	1.7	18.8%	26.9%	
HCM	Chứng khoán	21.0	-6.9%	1.6	416	4.3	2,619	8.0	1.3	42.5%	17.9%	
FPT	Công nghệ	86.2	-5.1%	1.0	4,111	13.1	4,293	20.1	4.9	49.0%	26.1%	
FOX	Công nghệ	69.0	-1.4%	0.4	985	0.0	4,926	14.0	3.8	0.0%	30.2%	
GAS	Dầu khí	118.0	-0.6%	1.0	9,819	8.9	5,109	23.1	4.1	2.8%	19.2%	
PLX	Dầu khí	42.0	-6.7%	1.5	2,320	3.1	1,950	21.5	2.1	17.2%	9.9%	
PVS	Dầu khí	27.2	-8.4%	1.6	565	22.9	1,408	19.3	1.1	9.2%	5.5%	
BSR	Dầu khí	29.0	-4.3%	0.8	3,909	36.1	2,108	13.8	2.4	41.1%	19.1%	
DHG	Dược	90.5	-2.6%	0.3	514	0.1	6,105	14.8	3.3	54.2%	21.8%	
DPM	Hóa chất	58.0	-6.9%	1.2	987	15.8	12,920	4.5	1.9	16.0%	50.2%	
DCM	Hóa chất	36.7	-7.0%	1.2	845	15.9	5,643	6.5	2.2	10.2%	38.9%	
VCB	Ngân hàng	76.4	-1.7%	0.8	15,720	3.6	4,855	15.7	3.1	23.6%	21.1%	
BID	Ngân hàng	32.0	-5.5%	1.2	7,027	2.1	2,266	14.1	1.9	16.8%	13.8%	
CTG	Ngân hàng	25.3	-6.8%	1.5	5,276	7.7	2,558	9.9	1.2	26.2%	13.0%	
VPB	Ngân hàng	28.8	-7.0%	1.2	5,557	27.1	3,874	7.4	1.5	17.4%	24.0%	
MBB	Ngân hàng	25.7	-6.7%	1.3	4,214	18.3	3,623	7.1	1.5	23.2%	23.7%	
ACB	Ngân hàng	23.9	-5.2%	1.1	3,510	4.0	3,081	7.8	1.7	30.0%	24.2%	
BMP	Nhựa	56.0	-4.3%	0.7	199	0.0	3,150	17.8	1.9	85.8%	10.7%	
NTP	Nhựa	42.0	-3.2%	0.5	215	0.3	3,990	10.5	1.7	17.7%	16.9%	
MSR	Tài nguyên	19.7	-6.6%	1.5	941	0.4	178	110.7	1.5	10.1%	1.4%	
HPG	Thép	31.8	-5.4%	1.1	6,184	30.0	7,443	4.3	1.4	20.9%	40.4%	
HSG	Thép	20.2	-6.9%	1.5	432	6.8	7,157	2.8	0.9	7.3%	35.8%	
VNM	Tiêu dùng	66.4	-4.5%	0.6	6,034	6.9	4,390	15.1	4.3	54.4%	28.9%	
SAB	Tiêu dùng	153.0	-3.0%	0.8	4,266	1.0	5,969	25.6	4.6	62.6%	19.0%	
MSN	Tiêu dùng	109.0	-6.8%	1.0	6,714	5.4	7,041	15.5	5.6	28.8%	45.7%	
SBT	Tiêu dùng	16.2	-6.9%	1.6	442	3.4	1,144	14.1	1.2	8.3%	8.3%	
ACV	Vận tải	84.6	0.6%	0.8	8,007	0.1	363	233.2	4.9	3.8%	1.3%	
VJC	Vận tải	124.9	-2.2%	1.1	2,941	3.2	361	345.5	4.0	16.9%	1.2%	
HVN	Vận tải	17.1	-5.0%	1.7	1,646	1.5	(5,210)	N/A	N/A	N/A	6.0%	#VALUE!
GMD	Vận tải	51.5	-6.4%	1.0	675	13.2	2,256	22.8	2.4	44.2%	10.8%	
PVT	Vận tải	20.4	-6.9%	1.4	286	5.8	2,088	9.7	1.2	11.8%	13.0%	
VCS	Vật liệu xây dựng	79.0	-7.1%	0.8	550	0.9	10,540	7.5	2.4	3.2%	37.5%	
VGC	Vật liệu xây dựng	46.7	-0.7%	0.8	910	4.2	3,677	12.7	2.7	4.4%	22.9%	
HT1	Vật liệu xây dựng	16.8	-6.9%	1.1	278	1.1	783	21.4	1.2	1.9%	5.6%	
CTD	Xây dựng	53.6	-6.0%	1.3	172	1.9	(27)	N/A	N/A	0.5	46.2%	0.0%
CII	Xây dựng	18.6	-7.0%	1.3	204	4.7	1,266	14.7	0.9	10.1%	6.1%	
REE	Điện	86.5	-4.0%	-1.4	1,337	7.8	5,994	14.4	2.2	56.1%	16.7%	
PC1	Điện	39.5	-2.1%	-0.4	404	6.1	3,238	12.2	1.9	4.9%	16.9%	
POW	Điện	15.3	1.7%	0.6	1,553	27.1	859	17.8	1.2	2.2%	6.9%	
NT2	Điện	27.3	3.0%	0.7	342	5.2	1,933	14.1	1.8	14.4%	13.1%	
KBC	Khu công nghiệp	42.4	-6.9%	1.5	1,060	6.6	1,154	36.7	1.7	18.6%	5.3%	
BCM	Khu công nghiệp	68.0	-4%	0.9	3,060	0.8	1,190	57.1	4.3	2.6%	8.4%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
EIB	30.90	1.64	0.16	363400
POW	15.25	1.67	0.15	40.90MLN
VSH	40.70	3.04	0.07	249900
NT2	27.30	3.02	0.06	4.34MLN
PDN	102.90	6.96	0.03	100

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
MSN	-0.01	-2.90	1.10MLN	1.11MLN
VHM	0.00	-2.56	3.37MLN	607060
VPB	-0.01	-2.48	20.96MLN	373600
BID	-0.01	-2.39	1.45MLN	192700
CTG	-0.01	-2.28	6.91MLN	611640

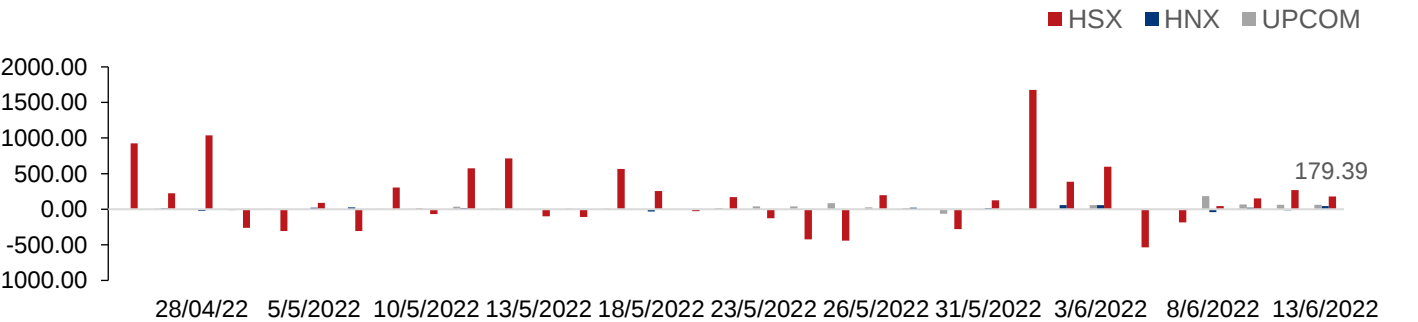
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TNC	50.50	6.99	0.02	400.00
DTT	13.80	6.98	0.00	1300
PDN	102.90	6.96	0.03	100
BBC	90.00	6.89	0.03	5600
SVI	69.40	6.77	0.01	100

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
APH	13.95	-7.00	-0.07	2.33MLN
CII	18.60	-7.00	-0.10	5.73MLN
DXS	18.60	-7.00	-0.13	260600.00
PHR	65.10	-7.00	-0.17	1.06MLN
PSH	13.95	-7.00	-0.03	1.82MLN

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	CTR	CNTT-VT	Mua	27/5/22	82.4	94.5	79.3	4,228	18.8	5.3	Click
2	PNJ	Bán lẻ	Mua	10/5/22	99.1	122.1	112.3	5,443	20.6	3.4	Click
3	EVE	Dệt may	Mua	29/4/22	16.5	19.0	13.4	1,701	7.8	0.6	Click
4	NT2	Điện	Mua	12/4/22	23.0	27.1	27.3	1,933	14.1	1.8	Click
5	DPR	Cao su	Mua	5/4/22	94.0	110.0	78.0	10,029	7.8	1.5	Click
6	FRT	Bán lẻ	Nắm giữ	30/3/22	156.0	162.1	92.1	4,874	18.9	6.0	Click
7	PC1	Điện	Mua	30/3/22	49.0	63.0	39.5	3,238	12.2	1.9	Click
8	CTI	Xây dựng	Mua	29/3/22	25.7	30.8	14.1	-129	#N/A N/A	0.7	Click
9	FPT	CNTT	Mua	22/3/22	95.3	116.3	86.2	4,293	20.1	4.9	Click
10	DRC	Săm lốp	Mua	16/3/22	32.1	40.0	28.5	2,466	11.5	1.8	Click
11	NKG	Thép	Mua	11/3/22	51.2	60.4	22.0	9,632	2.3	0.9	Click
12	POW	Điện	Mua	10/3/22	16.6	19.1	15.3	859	17.8	1.2	Click
13	PNJ	Bán lẻ	Mua	7/3/22	108.0	129.4	112.3	5,443	20.6	3.4	Click
14	MWG	Bán lẻ	Mua	7/3/22	134.2	154.4	140.0	7,030	19.9	4.6	Click
15	PVT	Vận tải	Mua	7/3/22	27.4	36.0	20.4	2,088	9.7	1.2	Click
16	DGC	Hóa chất	Mua	4/3/22	177.6	233.0	121.8	8,710	14.0	6.2	Click
17	HPG	Thép	Mua	3/3/22	50.1	61.7	31.8	7,443	4.3	1.4	Click
18	KBC	Bất động sản	Mua	2/3/22	57.5	74.9	42.4	1,154	36.7	1.7	Click
19	PSD	Bán lẻ	Mua	2/3/22	41.6	50.3	25.9	5,084	5.1	1.7	Click
20	DXG	Bất động sản	Mua	24/2/22	40.4	50.0	22.2	1,503	14.8	1.5	Click
21	DGW	Bán lẻ	Mua	24/2/22	111.9	143.0	124.7	8,596	14.5	5.5	Click
22	ANV	Thủy sản	Mua	23/2/22	34.5	40.6	51.1	2,136	23.9	2.6	Click
23	TNG	Dệt may	Mua	23/2/22	33.0	41.7	27.7	2,701	10.3	1.9	Click
24	VHC	Thủy sản	Mua	14/2/22	68.4	91.6	95.2	8,331	11.4	2.7	Click
25	BMI	Bảo hiểm	Mua	8/2/22	36.8	45.0	29.9	1,941	15.4	1.4	Click
26	PVI	Bảo hiểm	Mua	7/2/22	49.2	59.3	48.6	3,644	13.3	1.5	Click
27	PVS	Dầu khí	Mua	13/1/22	28.5	36.0	27.2	1,408	19.3	1.1	Click
28	GAS	Dầu khí	Mua	12/1/22	103.3	130.0	118.0	5,109	23.1	4.1	Click
29	HAX	Ô tô	Mua	23/12/21	29.1	37.0	21.3	3,141	6.8	1.4	Click
30	CTD	Xây dựng	Mua	6/12/21	77.0	97.9	53.6	-27	#N/A N/A	0.5	Click
31	EVE	Dệt may	Mua	1/12/21	18.4	N/A	13.4	1,701	7.8	0.6	Click
32	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	11.3	1,350	8.4	0.5	Click
33	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	11.3	1,350	8.4	0.5	Click
34	TCD	Xây dựng	Mua	29/11/21	32.3	40.0	12.8	2,433	5.2	1.0	Click
35	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	112.3	5,443	20.6	3.4	Click
36	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	112.3	5,443	20.6	3.4	Click
37	MWG	Bán lẻ	Mua	23/11/21	138.6	154.4	140.0	7,030	19.9	4.6	Click
38	SZC	BĐS khu CN	Mua	23/11/21	50.0	62.7	52.7	2,762	19.1	3.7	Click
39	NLG	Bất động sản	KQ	11/11/21	61.2	66.5	39.9	1,900	21.0	1.7	Click
40	BSR	Dầu khí	Mua	4/11/21	24.5	28.4	29.0	2,108	13.8	2.4	Click
41	ELC	CNTT	Mua	2/11/21	28.5	33.1	17.3	1,034	16.7	1.0	Click
42	VHC	Thủy sản	Mua	29/10/21	62.5	80.1	95.2	8,331	11.4	2.7	Click
43	VSH	Điện	Mua	30/9/21	27.7	35.0	40.7	2,916	14.0	2.2	Click
44	ITD	CNTT	Mua	17/9/21	20.8	28.1	12.9	689	18.7	1.0	Click
45	DBC	Tiêu dùng bán lẻ	Theo dõi	16/9/21	62.9	69.6	22.9	2,054	11.2	1.1	Click
46	VSC	Cảng biển	Mua	10/9/21	63.8	77.0	47.6	3661.8	13.0	1.9	Click
47	NT2	Điện	Theo dõi	9/9/21	21.7	24.7	27.3	1,933	14.1	1.8	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2022	x		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2022		x	Click
3	Vĩ Mô Thị trường tháng 3.2022	x		Click
4	Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		Click
5	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
6	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
7	Cơ hội từ Đầu tư công	x		Click
8	Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		Click
9	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
10	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
11	Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
12	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
13	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
14	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
15	Vĩ Mô Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
16	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
17	Vĩ mô Thị trường Quý III 2021	x		Click
18	Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
19	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
20	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
21	Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
22	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
23	Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
24	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
25	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THỂ GIỚI	x		Click
26	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
27	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
28	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
29	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
30	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
31	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
32	Banking Sector Outlook		x	Click
33	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
34	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
35	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
36	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
37	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
38	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
39	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
40	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
41	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
42	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
43	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
44	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639